

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Di Linh ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 124/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Bảng giá đất năm 2015 áp dụng cho chu kỳ 5 năm (2015 - 2020) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Thực hiện Văn bản số 82/HĐND ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất Bảng giá đất điều chỉnh năm 2019 trên địa bàn thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các huyện: Lạc Dương, Đam Rông, Di Linh, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng*), cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh địa danh, tên gọi của một số đoạn đường trong danh mục Bảng giá đất ở tại nông thôn (Mục II) trên địa bàn huyện Di Linh ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (*Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm*).




2. Điều chỉnh giá đất của một số đoạn đường trong danh mục Bảng giá đất ở tại nông thôn (Mục II) trên địa bàn huyện Di Linh ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm).

3. Bổ sung giá đất ở của một số đoạn đường vào trong danh mục Bảng giá đất ở tại nông thôn (Mục II) trên địa bàn huyện Di Linh ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm).

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và là một bộ phận không tách rời Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc điều chỉnh, bổ sung bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;

2. Giá đất tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 1 Quyết định này thay thế giá đất của các tuyến đường, đoạn đường có cùng số thứ tự, tên gọi, cùng địa bàn trong Bảng giá đất ở tại nông thôn (Mục II) trên địa bàn huyện Di Linh ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Di Linh; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./- 

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Lâm Đồng, Đài PTTH tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐ và CVVP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: VT, TH₂.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Việt

PHỤ LỤC SỐ 01:

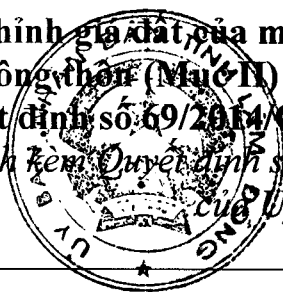
Điều chỉnh địa danh, tên gọi của một số đoạn đường trong danh mục Bảng giá đất ở tại nông thôn (Mục II) trên địa bàn huyện Di Linh ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Đính kèm Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

STT	Tên đơn vị hành chính, khu vực, đường, đoạn đường	Giá đất (1.000 đ/m ²)
9	Xã Tân Lâm	
9.1	Khu vực I	
9.1.1	Đoạn dọc Quốc lộ 28	
20	Các nhánh rẽ từ Quốc lộ 28 còn lại vào 200m	110
9.1.2	Khu quy hoạch dân cư thôn 6	
7	Đoạn từ giáp đường liên xã vào khu hành chính xã đến 100m và nhánh rẽ từ thửa 30 đến thửa 95 (31) + thửa 264 (23)	200
12	Xã Đinh Lạc	
12.1	Khu vực I:	
12.1.6	Các nhánh rẽ tiếp giáp đường Quốc lộ 20	
15	Xã Gung Ré	
15.1	Khu vực I:	
2	Từ đất nhà ông Phạm Văn Dũng đến cầu bê tông giáp ranh xã Bảo Thuận Từ thửa số 67 tờ 25 đến cầu Bảo Thuận	220
15.1.3	Đường vào thôn Đăng Rách	
3	Từ đất nhà ông Tiến đến hết đường nhựa khu 24 từ thửa 167 tờ bản đồ 40 đến thửa 140 tờ bản đồ 35	180



PHỤ LỤC SỐ 02:

Điều chỉnh giá đất của một số đoạn đường trong danh mục Bảng giá đất ở tại nông thôn (Mức II) trên địa bàn huyện Di Linh ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Đính kèm Quyết định số 09 /2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)



STT	Tên đơn vị hành chính, khu vực, đường, đoạn đường	Giá đất (1.000 đ/m ²)
2	Xã Đinh Trang Hòa	
2.1	Khu vực I:	
2.1.1	Đất dọc Quốc lộ 20	
1	Đoạn từ giáp xã Liên Đàm (thửa 189 (40) và thửa 188 (40)) đến hết đất nhà ông Tân - thôn 3 (thửa 107 (42) và thửa 856 (42))	600
2	Đoạn từ hết đất nhà ông Tân (thửa 139 (42) và thửa 141 (42)) đến cách ngã ba Đinh Trang Hòa 100m (thửa 703 (42) và thửa 696 (42))	810
3	Từ ngã ba Đinh Trang Hòa 100m đến hết cầu Đinh Trang Hòa {Từ thửa 04A đến + thửa 87(48), + tiếp thửa 706 đến + thửa 715C(42), + tiếp thửa 73 đến + thửa 70 (47), tiếp + thửa 75 đến hết thửa 85 (47)}	1.270
4	Từ giáp cầu Đinh Trang Hòa đến giáp xã Hòa Ninh {Từ thửa 87 đến + thửa 155 (47), + tiếp thửa 567 đến + thửa 646C (43), + tiếp thửa 35 đến + thửa 152 (47), tiếp + thửa 20 đến + thửa 178 (46) đến + 21 đến hết thửa 27 (46)}	1.100
3	Xã Hòa Ninh	
3.1	Khu vực I:	
3.1.1	Dọc QL20	
1	Từ giáp xã Đinh Trang Hòa đến giáp ranh trường cấp III Lê Hồng Phong (từ thửa 151 (03) đến hết thửa 146 (03))	2.000
2	Từ đất trường cấp III Lê Hồng Phong đầu lô chợ (từ thửa 151 (03) đến hết thửa 146 (03))	2.500
3	Từ đầu lô chợ đến hết cây xăng.	3.600
4	Từ hết cây xăng đến giáp xưởng tôn Hoàng Hà (từ thửa 151 (03) đến hết thửa 146 (03))	1.700
5	Từ xưởng tôn Hoàng Hà đến giáp ranh huyện Bảo Lâm (từ thửa 189 (03) đến 203 (01))	1.200
3.1.2	Đường vào xã, thôn	

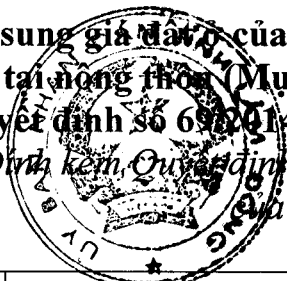
STT	Tên đơn vị hành chính, khu vực, đường, đoạn đường	Giá đất (1.000 đ/m ²)
1	Từ QL20 vào đến giáp công thoát nước số 2 (từ thửa 26 (05) đến hết thửa 280 (05))	
2	Từ công thoát nước số 2 đến hết đất trạm y tế xã (từ thửa 280 (05) đến hết thửa 192 (06))	
5	Xã Hoà Bắc	
5.1	Khu vực I:	
5.1.1	Đường vào thôn trong xã	
2	Từ công chào thôn 13 từ thửa 526(30) đến cầu la òn, đến hết thửa 558(30)	420
6	Từ ban quản lý rừng Hoà Bắc Hòa Nam từ thửa 45(28) đến cầu thôn 9 đến hết thửa 141(28)	240
7	Đoạn còn lại của đường đi cầu thôn 9 từ thửa 297(28) đến hết thửa 98(22)	260
5.1.2	Các nhánh rẽ đường liên xã đến giáp ranh xã Hòa Ninh	
11	Từ ngã 3 thôn 3 từ thửa 1(18) đến cầu thôn 6 đến hết thửa 110(18)	220
13	Xã Gia Hiệp	
13.1	Khu vực I:	
13.1.1	Đất dọc trục giao thông chính - Quốc lộ 20	
1	Từ km167 giáp xã Đinh Lạc đến khu dân cư Phú Gia từ thửa 40(32D-64 CBTN) đến hết thửa 82 (33C-43CBTN)	650
2	Từ km168 đến km169 (Giáp thửa 82(43 CBTN) khu dân cư Phú Gia đến hết khu dân cư Phú Gia)	650
3	Từ hết khu dân cư Phú Gia (thửa 105 (33C-43CBTN)) đến hết đường vào nhà Nguyễn thôn 1 (thửa 303 (33D-44 CBTN))	750
4	Từ UBND xã Gia Hiệp đến km171 (hết đất Nhà thờ Phú Hiệp) (từ giáp ranh đường vào thôn 1 thửa 305 (34C) đến hết ngã 3 đường vào trường Mẫu giáo thôn 2 hết thửa 490 (34C - 47CBTN)	750
5	Từ km171 đến ngã ba đi vào thôn 3 - Gia Hiệp {từ giáp ranh đường vào trường Mẫu giáo thôn 2 từ thửa 303 (34C-47CBTN) đến hết đường vào thôn Phú Hiệp 3 hết thửa 698 (34C-47CBTN) (hết đất nhà bà Thái)}	720
6	Đường vào thôn Phú Hiệp 3 thửa 489(34C- 47CBTN) (vào nhà bà Thái) đến ngã 3 đường vào trường Tiểu học Phú Hiệp hết thửa 509(34D- 48 CBTN)	700
7	Từ ngã 3 đường vào trường Tiểu học Phú Hiệp thửa 148 (34D-48CBTN) đến ngã 3 đường vào thôn 3 hết thửa 62 (35C-50CBTN)	600

STT	Tên đơn vị hành chính, khu vực, đường, đoạn đường	Giá đất (1.000 đ/m ²)
14	Xã Tam Bồ	
14.1	Khu vực I:	
14.1.1	Đất dọc trục giao thông chính -Quốc lộ 20	
1	Từ đỉnh đèo giáp xã Gia Hiệp đến hết nhà ông Thành (Yến) {Từ đất bà Ảnh thửa 386 (35D) đến hết thửa 364 (35D), + tiếp thửa 1088 (59B-7CBTN) đến hết thửa 785 (59B- 7CBTN)}	360
2	Từ giáp đất nhà ông Thành (Yến) đến hết ngã 3 đất đỏ (giáp đất nhà ông Nguyễn) Từ thửa 904 (59B-7CBTN) đến hết thửa 516 (59B-7CBTN), + tiếp thửa 1078 (60A-8CBTN) đến hết thửa 1084 (60A-8CBTN) đất nhà ông Nguyễn}	330
3	Từ ngã 3 đất nhà ông Nguyễn đến hết cây xăng ông Hùng {Từ đất nhà ông Cường thửa 817(60A-8CBTN) đến+ thửa 1012(60A-8CBTN), + tiếp thửa 807(60B-9CBTN) đến hết cây xăng ông Hùng + thửa 424(60B-9CBTN)}	650
4	Từ giáp cây xăng ông Hùng trở đi đến hết đất nhà ông Bảy Lùn (Chùa Quan Âm) {Từ đất ông Nghiêm thửa 428(60B-9CBTN) đến hết đất nhà ông Bảy lùn+thửa 402(60B-9CBTN)+hết đất chùa Quan Âm+thửa 701(60B-9CBTN)}	540
5	Từ giáp chùa Quan Âm đến hết cầu Dạ Le (giáp ranh huyện Đức Trọng) {Từ chùa Lạc Quốc thửa 708 (60B-9CBTN) đến + thửa 384 (60B-9CBTN), + tiếp thửa 219 (61A-10CBTN) đến hết đất nhà ông Tư Bắc + thửa 79 (61A-10CBTN)}	350
14.1.2	Đường vào thôn	
	<i>Từ ngã 5 đất nhà ông K'Bái (thửa 206 tờ bản đồ số 60c) đến hết đất nhà ông Hoàng (thửa 191 tờ bản đồ số 60c) thôn 5 {Chia làm 2 đoạn}:</i>	
30	Từ ngã 3 QL20 đất nhà bà Tần (thửa 345 tờ bản đồ số 9) đến hết đất nhà ông Tuyền (thửa 327 tờ bản đồ số 9) Hiệp thành 2 {Từ thửa 345(60B-9CBTN) đến hết thửa 327(60B-9CBTN)}.	210
33	Từ ngã 3 QL20 đất nhà bà Sen (thửa 346 tờ bản đồ số 9) đến hết đất nhà bà Thanh (thửa 328 tờ bản đồ số 9) Hiệp thành 2 {Từ thửa 346(60B-9CBTN) đến hết thửa 328(60B-9CBTN)}.	210



PHỤ LỤC SỐ 03:

Bổ sung giá đất của một số đoạn đường vào trong danh mục Bảng giá đất ở tại nông thôn (Mục II) trên địa bàn huyện Di Linh ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Đính kèm Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)



STT	Tên đơn vị hành chính, khu vực, đường, đoạn đường	Giá đất (1.000 đ/m ²)
5	Xã Hoà Bắc	
5.1	Khu vực I:	
5.1.2	Các nhánh rẽ đường liên xã đến giáp ranh xã Hòa Ninh	
57	Từ cầu thôn 6 (ông Mỹ) đến giáp đường đi thôn 6, 9, 11 hết thửa đất ông Bùi Ngọc Quân thửa 24 (32)	220
58	Đoạn từ nhà bà Đoàn Thị Nhung thửa 125 (23) đến đất ông Nguyễn Hoàng Sơn hết thửa 5 (32) thôn 6	100
59	Đoạn từ đất nhà ông Đoàn Văn Hình thửa 128 (13) đến đất ông Phạm Văn Bằng hết thửa 49 (3) thôn 14	100
14	Xã Tam Bố	
14.1	Khu vực I:	
14.1.2	Đường vào thôn	
57	Đoạn từ ngã 3 QL20 giáp đất nhà ông Khuê đến hết đất nhà ông Vinh, thôn Hiệp Thành 2 (từ thửa 159 (19) đến hết thửa 48 (19))	140
58	Đoạn đường vào đôi xà bông, thôn Hiệp Thành 1, từ ngã 3 giáp đất nhà bà Thảo đến hết đất nhà ông Niền, (từ thửa 141 (13) đến hết thửa 16 (13))	120
59	Đoạn từ ngã 3 QL20 giáp đất nhà ông Huệ đến hết đất nhà ông Lộc (từ thửa 382 (15) đến hết thửa 360 (15))	140
60	Đoạn từ giáp đất nhà bà Đào đến hết đất nhà bà Yến thôn Hiệp Thành 2 (từ thửa 30 (20) đến hết thửa 83 (20))	130

